

CÂU ĐƠN VÀ CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIẾNG PHÁP

Trần Thế Hùng^(*)

I. Mở đầu

Trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Pháp, nếu như việc xác định thế nào là một âm vị, một hình vị không mấy khó khăn thì việc xác định thế nào là một từ, một câu lại gặp rất nhiều trở ngại. Thực vậy, các định nghĩa về câu rất nhiều, rất đa dạng và cũng rất khác nhau. Trong ngữ pháp truyền thống (*grammaire traditionnelle*) “câu là một tập hợp từ được tổ chức một cách logic và chặt chẽ về mặt ngữ pháp nhằm diễn đạt một ý trọn vẹn” (M. Grévisse, *Le Bon Usage*, Duculot, Gembloux, p.71). Định nghĩa này gặp rất nhiều trở ngại và bị phản bác, nhất là nghĩa của câu, bởi vì cùng một nội dung (nghĩa) người ta có thể có nhiều cách diễn đạt. Hơn nữa nếu như nói đến nghĩa hoàn chỉnh, ý trọn vẹn tức là nói đến câu hoàn chỉnh. Trong thực tế giao tiếp hàng ngày, rất nhiều câu “không hoàn chỉnh” nhưng vẫn diễn đạt được ý hoàn chỉnh. Trong các sách khác, định nghĩa về câu cũng không có gì chặt chẽ hơn. Người ta thường gọi “câu là đơn vị cú pháp” (*unité syntaxique*), là “chuỗi từ được sắp xếp theo một trật tự nhất định và các từ này có quan hệ nhất định với nhau” [*suite de mots ordonnés d'une certaine manière, qui entretiennent entre eux certaines relations*] (J. Dubois et R. Lagane, *La nouvelle grammaire du français*, Larousse, p.14).

Để được chặt chẽ và có hệ thống, chúng tôi xác định “câu là đơn vị thông báo nhỏ nhất” (cũng như âm vị là đơn vị ngôn ngữ

nhỏ nhất mang tính khu biệt và hình vị là đơn vị nhỏ nhất mang ý nghĩa).

Trong tiếng Pháp, người ta thường phân biệt câu (*phrase*) và phát ngôn (*énoncé*). Khi người ta nói đến câu (*phrase*) là nói đến cấu trúc của nó, nói đến bình diện trừu tượng, còn nói đến phát ngôn (*énoncé*) là nói đến câu đã được thời sự hoá (*phrase actualisée*), “cụ thể hoá” - cấu trúc trừu tượng được cụ thể hoá bằng từ. ngữ-nghĩa là nói đến bình diện cụ thể. Song để cho tiện, trong bài báo này chúng tôi dùng từ “câu” để chỉ câu hiện thực trong giao tiếp.

Câu có thể được nghiên cứu ở các góc độ khác nhau vì vậy cũng có nhiều tiêu chí để xếp loại câu. Sau đây chúng tôi chỉ đề cập đến câu đơn và câu đơn đặc biệt trong tiếng Pháp xét về mặt cấu trúc mà thôi.

1. Câu đơn xếp theo số lượng thành phần

Trước hết câu có thể được xếp loại theo số lượng thành phần câu. Ở bình diện này có hai loại lớn:

1.1. Câu đơn chỉ có một thành phần

Trong loại này có hai tiểu loại:

a) Câu chỉ có phần đề. Đó là các câu không hoàn chỉnh, ở ngôn ngữ nói, phần đề này cũng không có ngữ điệu kết thúc câu.

b) Câu chỉ có phần thuyết còn gọi là câu vị ngữ (*phrases prédictives*). Đối với tiểu loại câu này, phần đề nằm ở ngoài câu, không được gọi lại cũng không được thay thế bởi bất cứ một đại từ nào. Ví dụ:

^(*) TS., Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Excellent! Délicieux!

Phần đề ở đây có thể là *les mets* (đồ ăn uống).

Hoặc trong câu:

- Très beau!

Phần đề ở đây có thể là *le spectacle* (1 buổi biểu diễn xiếc hoặc kịch).

1.2. Câu đơn có hai thành phần: Phần đề và vị ngữ (le thème et le prédicat)

Loại này cũng được chia làm hai tiểu loại:

a) Phần đề và vị ngữ được tách hẳn nhau và được thể hiện bằng các kí hiệu chấm câu hoặc ngắt hơi ở ngôn ngữ nói. Ví dụ:

- Chartres! Jolie ville.

b) Phần đề và vị ngữ gắn với nhau. Phần đề được gắn chặt với vị ngữ. Ví dụ:

- Cette pióce est un vrai four.

2. Câu đơn có động từ và câu đơn không có động từ làm trung tâm

Câu có thể được xếp loại dựa theo tiêu chí lấy động từ làm trung tâm. Loại này được chia làm 2 loại lớn:

2.1. Câu đơn không chứa động từ (phrases sans verbes ou phrases nominales)

Loại câu không chứa động từ tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau và được ngữ pháp truyền thống xếp vào loại các mệnh đề độc lập. Vì không có động từ và tính vị ngữ được diễn đạt thông qua trật tự từ nên loại câu này có cấu trúc rất khác biệt với câu có động từ. Bình thường, phần lớn các câu loại này thuộc lĩnh vực cú pháp cảm xúc (syntaxe "effective") nghĩa là các câu này diễn đạt các hoạt động thuần túy tinh thần, các hoạt động diễn đạt sự xúc động, bột phát nảy sinh từ ý chí tâm thức của con người, vì thế các câu loại này thường là

các câu cảm thán và thường được dùng trong ngôn ngữ nói. Ví dụ:

- Intéressante, votre idée!

Do tính chất đa dạng và tính chất xúc cảm của loại câu này nên rất khó xếp chúng thành các tiểu loại chính xác, bền vững. Hơn nữa tiêu chí để xếp loại chúng cũng rất không đồng nhất và hoàn toàn vô đoán. Vì vậy về đại thể ta có thể chia loại câu này thành hai tiểu loại: câu không chứa động từ có một thành phần và câu không chứa động từ có nhiều (hai) thành phần.

a) Câu không chứa động từ có một thành phần.

Đó là loại câu mà trong đó chủ ngữ và vị ngữ đồng nhất trong cùng một thành phần được diễn đạt bằng một từ hay một cụm từ (ngữ) không thể tách rời nhau về mặt cú pháp. Từ này có thể là một thực từ có thể là một từ tình thái cũng có thể là một hư từ (từ cảm thán chẳng hạn). Ví dụ:

- Feu! / - Délicieux!

- Aux armes! / Quelle horreur! / A votre service. / Pas de quoi.

- Hélas!

Một số nhà ngôn ngữ học coi loại câu này là câu một từ, mot-phrase (xem: Trần Thế Hùng, *Grammaire française, syntaxe de la phrase*, 2004).

Mặc dù cấu trúc của tiểu loại câu này ít nhiều đồng nhất song sắc thái ngữ nghĩa biểu cảm rất khác nhau.

Câu dùng để chỉ sự nhận biết, miêu tả hoặc đánh giá tính chất. Ví dụ:

Nuit. Silence. Un ciel étoilé. Rien à signaler. Activité de patrouille (Louis Aragon).

Fort. Violent. Un nez pointu. Jamais las. Toujours vigilant. Charlot. Vingt ans.

Blond. Les yeux bleus. Des dents magnifiques (Jean Laffitte).

Câu dùng để thông báo, chỉ dẫn. Ví dụ:

Rassemblement à Orly. Décollage à 9 heures. Vol sans escale. Ralentir.

b) Câu không chứa động từ có hai thành phần: chủ ngữ và vị ngữ tách biệt nhau.

Tiểu loại này có nhiều loại hình cấu trúc khác nhau. Các loại chính gồm:

- Cấu trúc trong đó vị ngữ, được diễn đạt bằng trật tự từ, đứng trước chủ ngữ và trợ động từ “être” bị triệt tiêu. Loại câu này là các câu nhấn mạnh, mang sắc thái diễn cảm. Ví dụ:

Jolie, la fillette! /Un trou, ce village! / Une lumière, cet enfant. / Bon, ce café.

- Cấu trúc trong đó vị ngữ đứng sau chủ ngữ và được diễn đạt bằng một sự ngắt hơi trong khi nói hoặc bằng dấu phẩy trong ngôn ngữ viết. Ví dụ:

Oh! ce Paris, quelle Babylone! /La femme, quel problème!

Diseur de bons mots, mauvais caractère. /La liberté? Un beau mot. /Cette pièce, un four!

Trong các câu này, hai thành phần câu được tách rời nhau rất rõ rệt và câu cũng mang sắc thái biểu cảm, trật tự chủ ngữ-vị ngữ là hoàn toàn hợp với lôgic.

Loại câu này có một số biến thể:

+ Sự ngắt hơi trong khi nói hoặc dấu phẩy trong khi viết được thay thế bằng tiểu từ *que*. Ví dụ:

Quel brave homme *que* ce géant! (G de Maupassant)

Monstrueuse machine *que* l'homme!

+ Vị ngữ có thể vừa đứng trước vừa đứng sau chủ ngữ hoặc được lặp sau chủ ngữ. Ví dụ:

- *Haute*, la tour, et *sèche* (P. Verlaine)
(ở đây *Haute* và *sèche* đều là vị ngữ còn la tour là chủ ngữ)

- *Très forts*, ces gaillards, *très forts*! (L. Aragon) (ở câu này *très forts* là vị ngữ được lặp lại sau chủ ngữ *ces gaillards*)

+ Các câu kiểu:

1 - Moi, médecin?

2 - Moi, des tanches! (La Fontaine)

3 - Une femme, vous? (Emile Augier)

4 - Mon fils, mentir?

5 - Moi, fou? (H. de Balzac)

Các câu hai thành phần này mang một sắc thái biểu cảm rất mạnh, mạnh đến nỗi mà các câu này đều phải được hiểu như những câu phủ định, bác bỏ mặc dù không có dấu hiệu của phủ định. Chúng ta dễ dàng phân tích các câu trên như sau:

- Moi, médecin?! phải được hiểu là: Moi, je ne suis pas du tout médecin.

- Mon fils, mentir?! phải được hiểu là: Mon fils ne ment jamais.

Có lẽ vì lí do này mà một số nhà ngữ pháp khẳng định rằng loại câu không có động từ không có dạng phủ định.

2.2. Câu đơn có chứa động từ (phrases verbales)

Loại câu có động từ làm trung tâm lại có thể chia nhỏ thành nhiều tiểu loại. Việc phân chia này dựa vào tính chất cơ bản của động từ làm trung tâm. Một cách tổng quát, người ta có thể chia câu có động từ làm trung tâm thành 3 tiểu loại:

a) Loại thứ nhất bao gồm các câu mà vị ngữ là một động từ và một thuộc ngữ (phrases verbales attributives). Ví dụ:

- Cet homme est bon.

- Cet homme est un bon citoyen.

b) Loại thứ hai gồm các câu có vị ngữ là động từ chỉ sự tồn tại (phrases verbales verbes d'existence). Ví dụ:

- Il y a quelqu'un.

c) Loại thứ ba bao gồm các câu có vị ngữ không thuộc hai loại trên (phrases verbales). Ví dụ:

- L'enfant joue.

- L'enfant lit un livre.

- L'enfant s'intéresse à ce film.

3. Câu đơn đặc biệt trong tiếng Pháp

Việc phân loại câu đơn đặc biệt trong tiếng Pháp dựa theo bản chất kết học của các động từ. Câu đơn đặc biệt trong tiếng Pháp được chia thành ba loại lớn.

3.1. Câu đơn có vị ngữ kép

Việc phân loại dựa theo bản chất kết học của các động từ này đặt ra một vấn đề là có những câu có cấu trúc S - V - Adj nhưng động từ này lại không phải là hệ động từ mà là các động từ thực, có nghĩa như *arriver, partir*. Hãy so sánh câu *Cet homme est bon* với các ví dụ sau:

1- Il arriva radieux.

2- Elle restait indécise.

3- Il partit mobilisé.

4- La pluie tombe abondante.

Trong các loại câu này ta thấy yếu tố thứ ba (adj) có liên quan trực tiếp đến cả chủ ngữ và động từ (còn trong câu *Cet homme est bon*, *bon* chỉ liên quan đến chủ ngữ mà thôi). Thật vậy, ta có thể phân tích câu *Il arriva radieux* thành hai câu sau:

Il est arrivé; et

Il est radieux.

Do đó động từ **arriver** vừa là thực từ, có nghĩa (chỉ sự việc đến, hành động đến)

vừa có chức năng tiềm tàng của một hệ động từ.

Các câu kiểu này có thể được xếp thành một loại riêng, loại đặc biệt và có thể được gọi là câu có vị ngữ kép (prédictat double). Những động từ này không còn là những nội động từ thuần túy mà nó đã thay đổi bản chất. Một mặt nó diễn đạt hành động do đó nó vẫn giữ nghĩa từ vựng (sens lexical) mặt khác nó được ngữ pháp hóa để trở thành động từ thay thế cho hệ động từ copule. Mức độ ngữ pháp hóa của các động từ này ở các thang độ khác nhau.

Trong ví dụ chúng ta vừa phân tích, động từ *arriver* có mức độ ngữ pháp hóa thấp hơn động từ *rester* trong ví dụ 2 (*Elle restait indécise*). Động từ *rester* trong câu này đã mất hết nghĩa từ vựng và rất gần với hệ động từ vì vậy động từ này gắn kết chặt chẽ hơn với yếu tố thứ ba trong câu. Không có yếu tố thứ ba, câu sẽ trở nên què quặt hoặc chỉ được dùng trong một số điều kiện nhất định, như là câu trả lời chẳng hạn. Ví dụ:

- Partait-elle avec vous?

- Non, elle restait.

Còn trong câu "*Elle restait indécise*" ta không thể bỏ từ *indécise* được vì trong điều kiện bình thường người Pháp không thể nói "*Elle restait*" (động từ *rester* chỉ được dùng khi đối lập với *partir*).

Trong ví dụ 3, nếu ta thay đổi vị trí của *mobilisé* ta sẽ thấy rõ tính đặc thù của kiểu câu này. Hãy so sánh:

- Le domestique mobilisé partit. Câu này hoàn toàn thuộc kiểu câu trong bài 2, câu có động từ thực vì ở đây *mobilisé* chỉ có quan hệ với chủ ngữ mà thôi. Còn trong

câu “*Le domestique partit mobilisé*” thì *mobilisé* vừa có quan hệ với chủ ngữ vừa có liên quan với động từ và có thể được phân tích thành hai câu sau:

Il était mobilisé; et

Il partit.

Cũng như vậy trong ví dụ 4, nếu ta thay thế tính từ *abondante* bằng trạng từ *abondamment*, động từ *tomber* sẽ lấy lại nguyên nghĩa từ vựng của nó và câu sẽ lại được xếp vào loại câu trong bài 2.

La pluie tombe abondamment.

Còn trong câu “La pluie tombe abondante” rõ ràng *abondante* vừa là bán định ngữ vừa là bán bổ ngữ tình huống do đó nó thuộc câu đặc biệt, câu có vị ngữ kép.

3.2. Câu đơn đặc biệt có chứa ngoại động từ trực tiếp

Đối với các ngoại động từ chúng ta cũng có một số cấu trúc đặc biệt:

a) Cấu trúc 1: S - V - COD - Adj (Sujet-verbe-complément d'objet direct-adjectif [chủ ngữ-động từ-bổ ngữ đối tượng trực tiếp-tính từ])

Trong cấu trúc này tính từ giữ chức năng làm thuộc ngữ của bổ ngữ đối tượng trực tiếp trong câu. Ví dụ:

-J'ai trouvé vos propositions *intéressantes*.

- Je trouve le vase *beau* mais *cher*.

b) Cấu trúc 2: S - V - COD - A (Sujet-verbe-complément d'objet direct-Attribut [chủ ngữ-động từ-bổ ngữ trực tiếp-thuộc ngữ là danh từ]). Trong cấu trúc này danh từ (nom) giữ vai trò là thuộc ngữ của bổ ngữ đối tượng trực tiếp (COD) trong câu. Ví dụ:

- Après la libération, on a élu Vincent Auriol *président*.

La direction les a promus *brigadiers*.
(L'Humanité)

3.3. Loại câu đơn vô nhân xưng

Loại câu này giống câu đơn bình thường ở chỗ nó có thể có bổ ngữ chỉ tình huống, nhưng có sự khác nhau cơ bản là trong câu vô nhân xưng động từ luôn ở ngôi thứ ba số ít và đứng trước động từ này là đại từ bất biến và không có nghĩa *il* (trong ngôn ngữ chuẩn mực và *ça* trong ngôn ngữ thân mật, dân dã). Chúng ta có thể chia câu vô nhân xưng thành ba tiểu loại khác nhau:

a) Loại thứ nhất bao gồm các câu trong đó chỉ có *il* và động từ hoặc ngữ động từ. Đó là các động từ hoặc ngữ động từ chỉ các *hiện tượng tự nhiên*, ví dụ:

Il pleut. / Il neige. / Il vente. / Il tonne. / Il gèle. / Il fait froid. / Il fait chaud. / Il fait beau.

Chúng ta thấy trong các câu này không có chủ ngữ thực cũng như không có bổ ngữ đối tượng nào cả. Nhưng người ta có thể thêm vào những câu này một bổ ngữ chỉ tình huống, ví dụ:

Il pleut *souvent*.

Il pleuvait *hier*.

Il pleut *à seaux*.

Các động từ này chỉ có thể dùng ở dạng vô nhân xưng chứ không thể dùng ở các ngôi khác được vì về nghĩa học, trong các câu vô nhân xưng trên, chủ ngữ và vị ngữ là đồng nhất, hòa quyện vào nhau. Chúng ta không thể nói: * *La pluie pleut* hoặc * *Le vent vente* vì như vậy sẽ có sự lặp lại hai ý trong câu.

b) Loại thứ hai bao gồm các câu trong đó động từ là các động từ bình thường, có nghĩa dùng ở thể chủ động hoặc các động từ phản thân và đứng sau các động từ này

là một nhóm danh từ được hạn định bởi một *quán từ không xác định* hoặc một quán từ chỉ bộ phận hoặc một *tính từ không xác định* hoặc *một số từ đếm*. Trong cấu trúc này *il* được gọi là *chủ ngữ hình thức*, *bề ngoài* và nhóm danh từ đứng sau động từ là *chủ ngữ thực* của động từ, ví dụ:

Il vient *des étrangers*.

Il manque *dix euros*.

Il passe *quelques soldats*.

Trong các câu này các nhóm danh từ đứng sau động từ như *des étrangers*, *dix euros*, *quelques soldats* đóng vai trò là một chủ ngữ thực, còn *il* là chủ ngữ hình thức. Trong tiếng Pháp người ta thường tránh đặt nhóm danh từ không xác định lên vị trí đầu câu và thường để thông tin mới ở vị trí cuối câu nên mới có các câu vô nhân xưng kiểu này. Đây là một hình thức nhấn mạnh chủ ngữ khi chủ ngữ là một nhóm danh từ không xác định. Khi chủ ngữ thực là một nhóm danh từ xác định người ta không thể nhấn mạnh như vậy được. Không thể nói:

* Il est venu *les gens*.

* Il est venu *ces gens*.

Trong các câu này, chỉ có thể coi *il* như là một chủ ngữ lấp chỗ trống, chủ ngữ hình thức, được dùng để hoàn thiện cấu trúc câu mà thôi. Tuy nhiên cấu trúc vô nhân xưng này khác hẳn với cấu trúc vô nhân xưng trong loại thứ nhất. Chúng ta trở lại câu vô nhân xưng với các động từ chỉ các *hiện tượng tự nhiên*. Chúng ta đã nói câu *il pleut* chỉ có thể tiếp nhận một trạng ngữ hoặc một cụm danh từ có giới từ đi kèm làm bổ ngữ chỉ tình huống như: *Il pleut fort*. *Il pleuvait sans cesse*. Song động từ *pleuvoir* có thể được dùng với một nhóm danh từ không xác định đứng đằng sau nó

để đóng vai trò là chủ ngữ thực và với cấu trúc này có hai trường hợp xảy ra:

Trường hợp thứ nhất:

Il pleut *des cordes*.

Il pleut *des hallebardes*.

Trường hợp thứ hai:

Il *pleut* *des coups*.

Trong trường hợp thứ nhất, các nhóm danh từ *des cordes*, *des hallebardes* có giá trị ẩn dụ, không giống như trường hợp *des gens* (Il est venu des gens = Des gens sont venus) nên người ta không thể đưa nhóm danh từ này lên vị trí đầu câu để làm chủ ngữ được. Không thể nói:

* Des cordes pleuvent.

* Des hallebardes pleuvent

Ngược lại trong trường hợp thứ hai động từ *pleuvoir* lại có giá trị ẩn dụ chứ không phải *des coups*; nhóm danh từ *des coups* giữ nguyên nghĩa từ vựng của nó (nghĩa đen) nên nó có thể được chuyển lên vị trí đầu câu để đóng vai trò làm chủ ngữ và ta có câu:

Des coups pleuvent.

Trong trường hợp này và chỉ trong trường hợp này mới không có sự hạn chế về loại danh từ đứng sau *Il pleut*. Các danh từ này có thể là *des coups*, *des assiettes*, *des savates*, *des injures*, *des compliments*... Và chính từ cấu trúc này mà chúng ta có thể có câu *Il pleut des voitures aujourd'hui* (il y a trop de voitures aujourd'hui sur la route).

c) Loại thứ ba bao gồm các câu có chủ ngữ vô nhân xưng là *ça* và động từ là những động từ có nghĩa từ vựng. *ça* thường được dùng với các động từ ở cấp độ ngôn ngữ thân mật hoặc các động từ trong tiếng lóng, ví dụ:

Ça sent (bon/mauvais). / Ça marche. / Ça roule. / Ça pue. / Ça chauffe. / Ça décoiffe. / Ça boume. / Ça pisse (pour *il pleut*). / Ça caille (pour *il fait froid*).

Phần lớn các động từ này có thể được dùng trong các cấu trúc nhân xưng song chúng không nhất thiết phải có cùng nghĩa. Ví dụ:

Nous *marchons* sous le soleil, un soleil ardent.

Je vais *chauffer* les aliments.

Một vấn đề đặt ra là có thể thay *il* trong câu vô nhân xưng kiểu *Il pleut des voitures aujourd'hui* bằng *ça* được không? Câu trả lời là hoàn toàn có thể được. Song khác với cấu trúc có *il*, trong cấu trúc với *ça*, *ça* phải được lặp lại bằng một danh từ và danh từ này phải là danh từ xác định (được diễn đạt thông qua quán từ xác định) và do vậy chúng ta có cấu trúc câu đơn vô nhân xưng nhấn mạnh đặc biệt. Ví dụ từ câu.

Il pleut des voitures aujourd'hui.

Ta có thể có câu:

Ça pleut, *les voitures*, aujourd'hui.

Và đảo ngược cấu trúc ta sẽ có:

Les voitures, *ça* pleut, aujourd'hui.

Nhưng trong tiếng Pháp không thể nói:

* Ça pleut *des voitures* aujourd'hui.

Và cũng không thể nói:

* Ça pleut, les cordes/les hallebardes.

Trừ khi chúng ta dùng *pleuvoir* ở nghĩa bóng và *les cordes/les hallebardes* ở nghĩa đen. Điều này có nghĩa là, trong cấu trúc vô nhân xưng này, động từ và danh từ không thể đồng thời có nghĩa bóng, nghĩa tu từ: chúng ta phải chọn một trong hai khả năng hoặc động từ hoặc danh từ có nghĩa bóng mà thôi.

4. Kết luận

Câu là một lĩnh vực được nghiên cứu rất kỹ. Song trong tất cả các sách giáo khoa cũng như trong các công trình nghiên cứu, người ta thường chỉ đề cập đến câu đúng ngữ pháp hay câu hoàn chỉnh về mặt cú pháp cũng như về mặt ngữ nghĩa. Câu đơn thường được định nghĩa theo các tiêu chí khác nhau, tùy theo quan điểm, song việc vận dụng các định nghĩa câu đơn vào việc phân tích câu lại không dễ một chút nào cả, bởi không có một định nghĩa nào bao quát được hết các cấu trúc của câu đơn. Vì vậy trong bài viết này chúng tôi đã cố gắng nêu ra và phân tích một số loại câu đơn đặc biệt với mong muốn góp phần vào việc hoàn thiện nghiên cứu, học tập câu nói chung và câu đơn nói riêng trong tiếng Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrievskaïa, A., *Syntaxe du français moderne*, Kiev, 1973.
2. Charaudeau, P., *Grammaire du sens et de l'expression*, Paris, Hachette, 1992.
3. Chevalier, J.C., Blanche-Benveniste, C., Arrivé, M., Peytard, J., *Grammaire Larousse du français contemporain*, Paris, Larousse, 1964.
4. Dubois, J., Lagane, R., *La nouvelle grammaire du français*, Paris, Larousse, 1973.
5. Paris, Mame, pp. 117-131.

6. Dubois, J. et al., *Dictionnaire de linguistique et des sciences du langage*, Paris, Larousse, 1994.
7. Grévisse, M., *Le bon usage*, Gembloux, Duculot et Paris, Geuthnet, 10^e édition, 1975.
8. Moeschler, J., “Une, deux ou trois négations”, *Langue française*, **94**, 1992, pp.8-25.
9. Sauvageot, A., *Analyse du français parlé*, Paris, Hachette, 1972.
10. Tran The Hung, *Grammaire française, Syntaxe de la phrase*, Hanoi, 2004.
11. Wagner, R.L., Pinchon, J., *Grammaire du français classique et moderne*, Paris, Hachette, 1962.
12. Yaguello, M., *En écoutant parler la langue*, Paris, Seuil, 1991.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XXI, N_o2, 2005

SIMPLE SENTENCES AND SPECIAL SIMPLE SENTENCES IN FRENCH

Dr. Tran The Hung

*Department of French Language and Culture
College of Foreign Languages - VNU*

Although sentence structure has been very carefully studied, in all text-books as well as research works, only those grammatically correct or both syntactically and semantically complete are referred to. This article mainly focuses on special sentences, i.e. those simple sentences which do not completely follow either grammatical or semantic rules. These sentences can be heard anywhere and anytime: in the cinema, in restaurants, at tram stops, in the street and even on the radio and television. Especially, these sentences sometimes shock linguists.